

Chủ đề 1. TỰ NHIÊN

Câu 52 (NB): Vào mùa mưa bão ở khu vực đồi núi nước ta thường xảy ra

- A. ngập lụt. B. cháy rừng. C. lũ quét. D. sóng thần.

Câu 53 (NB): Biện pháp bảo vệ tài nguyên đất ở vùng đồi núi nước ta là

- A. chống nhiễm phèn. B. trồng cây theo băng.
C. bón phân hóa học. D. chống nhiễm mặn.

Câu 70 (TH): Lãnh hải của nước ta là vùng biển

- A. ở ngoài biên giới quốc gia trên biển. B. được xem như lãnh thổ trên đất liền.
C. rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở. D. giáp với nội thủy và rộng trên 20km.

Câu 76 (VDC): Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ xuất hiện loài thực vật phương Nam chủ yếu do

- A. hướng nghiêng địa hình, đường bờ biển dài, gió mùa Đông Nam mạnh.
B. suy yếu gió mùa Đông Bắc, hướng núi tây bắc đông nam, nhiệt độ tăng.
C. lãnh thổ hẹp ngang, gió Tín phong Bán Cầu Bắc mạnh, hạ áp Bắc Bộ.
D. địa hình cao, gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh, vị trí nội chí tuyến.

Chủ đề 2. DÂN CƯ

Câu 64 (TH): Dân số nước ta hiện nay

- A. có cơ cấu theo tuổi không thay đổi. B. phân bố đồng đều khắp các vùng.
C. có tỉ suất sinh ngày càng tăng cao. D. có mức sống ngày càng tăng lên.

Câu 66 (TH) Lao động ở nước ta hiện nay

- A. hầu hết làm việc ở khu công nghiệp. B. đang chuyển dịch giữa các ngành.
C. tập trung chủ yếu ở khu vực thành thị. D. khu vực dịch vụ có tỉ trọng cao nhất.

Chủ đề 3. NGÀNH

Câu 55 (NB): Công nghiệp chế biến ở nước ta hiện nay

- A. tạo ra nhiều sản phẩm. B. phân bố đồng đều.
C. tập trung ở các hải đảo. D. có rất ít ngành.

Câu 59 (NB): Khoáng sản nào sau đây ở nước ta được khai thác nhằm phục vụ cho nhà máy nhiệt điện?

- A. Apatit. B. Khí tự nhiên. C. Đá vôi. D. Bôxít.

Câu 63 (TH): Nước ta cần phải xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt chủ yếu nhằm

- A. khai thác lợi thế về tài nguyên. B. khai thác thế mạnh về lao động.
C. nâng cao chất lượng sản phẩm. D. thích nghi với cơ chế thị trường.

Câu 67 (TH): Hoạt động lâm nghiệp của nước ta hiện nay

- A. tập trung hoàn toàn vào khai thác gỗ. B. chỉ chú trọng trồng mới rừng sản xuất.
C. diễn ra ở nhiều vùng miền khác nhau. D. đẩy mạnh khai thác lâm sản quý hiếm.

Câu 68 (TH): Giao thông đường hàng không nước ta hiện nay

- A. chỉ sử dụng lao động ở trong nước. B. có sân bay ở tất cả các địa phương.
C. đã mở đường bay đến nhiều nước. D. chỉ vận chuyển hành khách quốc tế.

Câu 69 (TH): Ngành khai thác thủy sản của nước ta hiện nay

- A. tỉ trọng khai thác thủy sản tăng nhanh. B. đẩy mạnh hoạt động đánh bắt ở ven bờ.
C. ít tác động đến tài nguyên, môi trường D. phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên.

Câu 78 (VD): Hoạt động ngoại thương nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu do

- A. sản xuất phát triển, chất lượng cuộc sống cao.
- B. thu hút nhiều đầu tư, sản xuất hàng xuất khẩu.
- C. hội nhập quốc tế sâu rộng, nâng cao mức sống.
- D. kinh tế tăng trưởng nhanh, mở rộng thị trường.

Chủ đề 4. VÙNG

Câu 50 (NB): Hoạt động khai thác dầu khí ở Đông Nam Bộ hiện nay được tiến hành tại

- A. các đảo.
- B. các quần đảo
- C. thềm lục địa
- D. bờ biển.

Câu 65 (TH) : Ý nghĩa chiến lược về quốc phòng của các đảo và quần đảo nước ta là

- A. căn cứ tiến ra biển và đại dương.
- B. cơ sở để khai thác các nguồn lợi.
- C. hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.
- D. phát triển tổng hợp kinh tế biển.

Câu 71 (VD): Việc phát triển cơ sở năng lượng của Tây Nguyên nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Thúc đẩy và tạo ra giai đoạn mới trong quá trình công nghiệp hóa.
- B. Phát triển hàng hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.
- C. Khai thác lợi thế về thủy năng, tạo điều kiện khai thác khoáng sản.
- D. Mở rộng cơ sở công nghiệp chế biến các nông sản chính cho vùng.

Câu 73 (VD): Đồng bằng sông Cửu Long tập trung số lượng trang trại lớn nhất nước ta chủ yếu do

- A. khả năng mở rộng diện tích lớn, đất phù sa ngọt khá màu mỡ.
- B. thị trường xuất khẩu nông sản lớn, mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- C. điều kiện tự nhiên thuận lợi, có truyền thống sản xuất hàng hóa.
- D. cơ sở hạ tầng được đầu tư, thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 75 (VD): Đồng bằng sông Hồng cần phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, nguyên nhân chủ yếu là do

- A. yêu cầu của công cuộc đổi mới, mật độ dân số cao, vốn đầu tư lớn.
- B. đảm nhận vai trò chủ yếu trong xuất khẩu hàng hóa, nguồn vốn lớn.
- C. phát huy thế mạnh, khắc phục hạn chế và nâng cao vị thế của vùng.
- D. do lực lượng lao động đông đảo và tiếp giáp nhiều vùng kinh tế.

Câu 79 (VD): Du lịch biển đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ ngày càng phát triển chủ yếu là do

- A. đa dạng hóa thành phần kinh tế, mức sống tăng, mở rộng thị trường.
- B. tập trung nhiều phong cảnh đẹp, dịch vụ thuận tiện, cơ sở lưu trú tốt.
- C. khai thác hiệu quả tài nguyên, thu hút đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng.
- D. trình độ lao động nâng lên, tích cực quảng bá, nâng cấp cơ sở lưu trú.

Câu 74 (VDC): Cơ cấu kinh tế Bắc Trung Bộ hiện nay có sự dịch chuyển quan trọng chủ yếu do tác động của

- A. phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, khai thác thế mạnh, nâng dân trí.
- B. thu hút đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, nâng chất lượng lao động.
- C. hội nhập toàn cầu sâu rộng, tăng trưởng kinh tế, mở rộng các đô thị.
- D. mở rộng hợp tác quốc tế, đào tạo nhân lực, phát huy các nguồn lực.

Câu 77 (VDC): Giải pháp chủ yếu để phát triển cây dược liệu theo hướng hàng hoá ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tăng cường liên kết, mở rộng diện tích, phát triển công nghiệp chế biến.
- B. đa dạng sản phẩm, đăng kí thương hiệu, mở rộng mạng lưới phân phối.
- C. đẩy mạnh xuất khẩu, xây dựng cơ sở sơ chế tại chỗ, nâng cao năng suất.
- D. thu hút lao động, mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng cơ cấu cây trồng.

Chủ đề 5. Thực hành

1. ATLAT

Câu 41 (NB): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào trong các trạm sau đây có nhiệt độ trung bình năm cao nhất?

- A. Sa Pa. B. Đà Lạt. C. Hà Nội. **D. Đà Nẵng.**

Câu 42 (NB): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào trong các trạm sau đây có nhiệt độ trung bình năm cao nhất?

- A. Sa Pa. B. Đà Lạt. C. Hà Nội. **D. Đà Nẵng.**

Câu 44 (NB): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết quốc lộ 8 đi qua địa phận tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh.** B. Thanh Hóa. C. Quảng Bình. D. Nghệ An.

Câu 45 (NB): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy điện Bà Rịa sử dụng khí đốt được khai thác từ mỏ nào sau đây?

- A. Cái Nước. B. Tiền Hải. C. Hồng Ngọc. **D. Lan Tây.**

Câu 46 (NB): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết đường số 26 đi qua đèo nào sau đây?

- A. An Khê. B. Mang Yang. C. Ngoạn Mục. **D. Phụng Hoàng.**

Câu 47 (NB): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây nằm ở phía bắc vĩ tuyến 16° Bắc?

- A. Sông Kì Lộ. **B. Sông Tiên Yên.** C. Sông An Lão. D. Sông Ông Đốc.

Câu 48 (NB): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết hồ nào thuộc vùng núi Tây Bắc?

- A. Cẩm Sơn. B. Ba Bể. **C. Hòa Bình.** D. Thác Bà.

Câu 49 (NB): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào ở xa nhất về phía đông trong các tỉnh sau đây?

- A. Khánh Hòa.** B. Đắk Nông. C. Tây Ninh. D. Bình Phước.

Câu 54 (NB): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP ở trung tâm kinh tế nào sau đây?

- A. Vũng Tàu. B. Hải Phòng. **C. Phúc Yên.** D. Nam Định.

Câu 56 (NB): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm nào có cơ cấu ngành đa dạng nhất?

- A. Đà Nẵng.** B. Cẩm Phả. C. Vinh. D. Long Xuyên.

Câu 57 (NB): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết cửa sông nào sau đây thuộc tỉnh Bến Tre?

- A. Bò Đề. B. Định An. C. Soi Rạp. **D. Ba Lai.**

Câu 58 (NB): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 1?

- A. Đồng Hới. **B. Đà Nẵng.** C. Tam Kỳ. D. Đông Hà.

Câu 60 (NB): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến vận tải đường biển nội địa nào sau đây dài nhất nước ta?

- A. Tp. Hồ Chí Minh - Hải Phòng.** B. Đà Nẵng - Quy Nhơn.
C. Vinh - Đà Nẵng. D. Hải Phòng - Đà Nẵng.

Câu 61 (NB): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết Biển Hồ nằm ở trên cao nguyên nào sau đây?

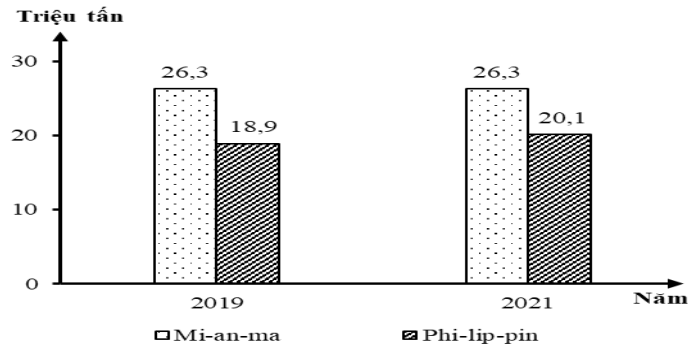
- A. Đắk Lắk. B. Lâm Viên. **C. Pleiku.** D. Kon Tum.

Câu 62 (NB): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia nào nằm gần biển nhất trong các vườn quốc gia sau đây?

- A. Tam Đảo. **B. Núi Chúa.** C. Tràm Chim. D. Xuân Sơn.

2. BIỂU ĐỒ

Câu 43 (TH): Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG LÚA CỦA MI-AN-MA VÀ PHI-LIP-PIN, NĂM 2019 VÀ 2021

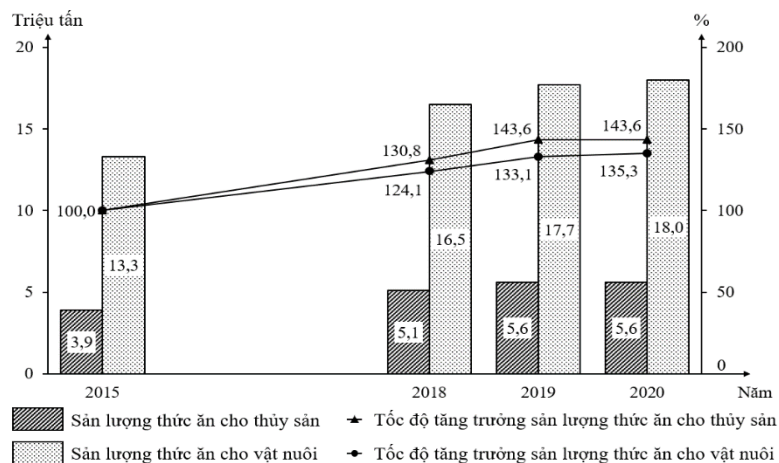
Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi sản lượng lúa năm 2021 so với năm 2019 của Mi-an-ma và Phi-lip-pin?

- A.** Mi-an-ma giữ nguyên và Phi-lip-pin tăng. **B.** Mi-an-ma giữ nguyên và Phi-lip-pin giảm.
C. Phi-lip-pin giữ nguyên và Mi-an-ma giảm. **D.** Phi-lip-pin giữ nguyên và Mi-an-ma tăng.

HD: Tính tăng (giảm); Phép tính trừ: Giá trị năm 2021-giá trị năm 2019

Câu 80 (VD):

Cho biểu đồ về sản xuất thức ăn cho thủy sản và thức ăn cho vật nuôi của nước ta giai đoạn 2015 - 2020



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A.** Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu sản lượng. **B.** Quy mô và tốc độ tăng trưởng sản lượng.
C. Tình hình phát triển và cơ cấu sản lượng. **D.** Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sản lượng.

3. BẢNG SỐ LIỆU

Câu 51(TH): Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MA-LAI-XI-A, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021 (Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	2015	2017	2019	2020	2021
In-đô-nê-xi-a	855,0	1 014,1	1 121,1	1 059,1	1 185,8
Ma-lai-xi-a	298,7	321,4	364,5	337,6	372,8

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tổng sản phẩm trong nước của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a năm 2021 với 2015?

- A.** In-đô-nê-xi-a tăng và Ma-lai-xi-a giảm. **B.** In-đô-nê-xi-a tăng chậm hơn Ma-lai-xi-a.
C. In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a. **D.** In-đô-nê-xi-a tăng ít hơn Ma-lai-xi-a.

HD: Tính tăng (giảm); Ít/nhiều;

Nhiều/ít hơn: Phép tính trừ: Lấy giá trị năm năm 2021 - giá trị năm 2015

Nhanh/chậm hơn: Phép tính chia: Lấy giá trị năm năm 2021 / giá trị năm 2015

Câu 72(VDC):

Cho bảng số liệu:

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2018 - 2022

Năm	2018	2019	2020	2022
Giá trị xuất khẩu (Nghìn tỷ đồng)	5 917	6 563	6 787	8 941
Tỷ trọng giá trị xuất khẩu trong cơ cấu XNK (%)	51,27	51,71	51,69	50,61

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2018 - 2022, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

A. Kết hợp, cột, đường.

B. Kết hợp, cột, tròn.

C. Miền, tròn, đường.

D. Miền, tròn, cột.

-----HẾT-----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt nam

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

SỞ GD & ĐT TUYÊN QUANG

ĐỀ TỐT NGHIỆP THPT THAM KHẢO NĂM 2024

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút không kể thời gian phát đề

Chủ đề 1: Tự nhiên

Câu 52 (NB): Ngập lụt ở nước ta thường xảy ra tại

A. miền núi.

B. đầm phá.

C. đồng bằng.

D. cửa sông.

Câu 53 (NB): Biện pháp bảo vệ tài nguyên đất ở vùng đồi núi nước ta là

A. chống nhiễm phèn.

B. trồng cây theo băng.

C. chống xói mòn đất.

D. chống nhiễm mặn.

Câu 70 (TH): Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên

A. Mặt Trời luôn ở trên thiên đỉnh.

B. thường xuyên có gió Mậu dịch.

C. có gió mùa hoạt động liên tục.

D. lượng mưa cao đều quanh năm.

Câu 76 (VDC): Sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế ở nước ta chủ yếu là do

A. vị trí nội chí tuyến, núi thấp chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ, luồng di cư sinh vật.

B. nền nhiệt cao, địa hình phân hoá đa dạng, lượng mưa lớn và tập trung cường độ cao.

C. thuộc vùng nhiệt đới bán cầu Bắc, luồng di cư sinh vật phương Nam, gió Tín phong.

D. lượng bức xạ Mặt Trời lớn, hướng của địa hình đa dạng, lượng mưa theo mùa rõ rệt.

Chủ đề 2: Dân cư

Câu 64 (TH): Đồng bằng nước ta tập trung dân cư đông đúc là do

A. địa hình bằng phẳng, chủ yếu là trồng lúa.

B. Nhiều dân tộc sinh sống, diện tích rộng

C. chủ yếu trồng lúa, nhiều dân tộc sinh sống.

D. diện tích đất rộng, có nhiều khoáng sản.

Câu 66 (TH): Lao động nước ta hiện nay

A. có số lượng đông, tăng chậm.

B. hầu hết đều hoạt động dịch vụ.

C. tập trung chủ yếu ở nông thôn.

D. tăng rất nhanh, có trình độ cao.

Chủ đề 3: Các ngành kinh tế

Câu 55 (NB): Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay

A. tương đối đa dạng.

B. chỉ có chế biến.

C. chỉ có khai khoáng.

D. có ít ngành.